

NGHỊ QUYẾT

**Về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn
giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (đợt 5)**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
KHÓA X KỲ HỌP THỨ 18**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 ngày 6 tháng 2015;

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu
tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu,
Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành
án dân sự ngày 11 tháng 01 năm 2022;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Xét Tờ trình số 77/TTr-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung
hạn giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (đợt 5); Báo cáo thẩm tra
số 380/BC-BKTNS ngày 08 tháng 7 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội
đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh
tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025
trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (đợt 5), như sau:

Tổng nguồn vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 là
84.810,433 tỷ đồng, bao gồm:

1. Vốn ngân sách địa phương là 69.556,212 tỷ đồng, gồm:



- a) Nguồn vốn ngân sách địa phương được giao là 38.604,5 tỷ đồng, gồm:
- Nguồn vốn ngân sách tập trung là 18.299,1 tỷ đồng.
 - Nguồn thu tiền sử dụng đất là 10.600 tỷ đồng.
 - Nguồn vốn xổ số kiến thiết là 7.700 tỷ đồng.
 - Ngân sách Trung ương thường vượt dự toán thu ngân sách năm 2021 là 1.000 tỷ đồng.
 - Bội chi ngân sách địa phương là 1.005,4 tỷ đồng.
- b) Nguồn vốn bổ sung giai đoạn 2021-2025 là 30.951,712 tỷ đồng, gồm:
- Nguồn khai thác đấu giá đất là 29.499,737 tỷ đồng.
 - Nguồn vốn kết dư giai đoạn 2016-2020 là 186,412 tỷ đồng.
 - Nguồn thu vượt xổ số kiến thiết năm 2022, 2023 là 882,293 tỷ đồng.
 - Nguồn quỹ sắp xếp doanh nghiệp là 383,270 tỷ đồng.
2. Vốn ngân sách Trung ương là 15.254,221 tỷ đồng, gồm:
- a) Vốn trong nước là 13.221,621 tỷ đồng.
- b) Vốn nước ngoài là 2.032,6 tỷ đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục số I và II đính kèm)

Điều 2. Các giải pháp triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025

Tiếp tục thực hiện các giải pháp tại Nghị quyết 24/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (đợt 3).

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết theo quy định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng, kiến nghị của các tổ chức, cá nhân có liên quan và Nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định.



Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Khoá X Kỳ họp thứ 18 thông qua ngày 17 tháng 7 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 17 tháng 7 năm 2024./ Như

Nơi nhận: 6/2

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội (A + B);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục Kiểm tra VB.QPPL - Bộ Tư pháp;
- Đồng chí Bí thư Tỉnh ủy;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Đồng Nai;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh và các đoàn thể;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- VKSND, TAND, CTHADS tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực huyện ủy, thành ủy và HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Báo Đồng Nai, Đài PT-TH Đồng Nai;
- Lưu: VT, Phòng CTHĐND.

CHỦ TỊCH



Thái Bảo



Phụ lục I

BẢNG TỔNG HỢP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2021-2025 SAU ĐIỀU CHỈNH

(Kèm theo Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nguồn vốn	Kế hoạch 2021-2025 (NQ 33)	Nội dung điều chỉnh	Kế hoạch 2021-2025 sau điều chỉnh
	TỔNG SỐ	84.810.433		84.810.433
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	38.604.500		38.604.500
1	Vốn ngân sách tập trung	18.299.100		18.299.100
1.1	Ngân sách tỉnh	10.979.460		10.979.460
a	Do UBND tỉnh trực tiếp giao chi tiêu	10.979.460		10.979.460
b	Dự phòng chưa phân bổ 5%	0		0
1.2	Vốn ngân sách huyện	7.319.640		7.319.640
a	Hình thành nguồn vốn đầu tư phân cấp đối với cấp huyện	7.319.640		7.319.640
2	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất (gồm 7.500 tỷ đồng được giao từ đầu kỳ trung hạn và 3.100 tỷ bổ sung trong kỳ trung hạn)	10.600.000		10.600.000
a	Quỹ phát triển nhà	792.300		792.300
b	Quỹ phát triển đất	2.376.900		2.376.900
c	Hình thành nguồn vốn đầu tư phân cấp đối với cấp huyện	4.753.800		4.753.800
d	Hình thành nguồn thu tại ngân sách tỉnh	2.677.000		2.677.000
3	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	7.700.000		7.700.000
a	Do UBND tỉnh trực tiếp giao chi tiêu	4.620.000		4.620.000
b	Dự phòng chưa phân bổ 5%	0		0
c	Hình thành nguồn vốn đầu tư phân cấp đối với cấp huyện	3.080.000		3.080.000
4	Ngân sách trung ương thường vượt dự toán thu ngân sách năm 2021	1.000.000		1.000.000
5	Bội chi ngân sách địa phương	1.005.400		1.005.400
	<i>Trong đó</i>			
a	Vay lại vốn ODA	5.400		5.400
b	Vốn trái phiếu chính quyền địa phương	1.000.000		1.000.000
B	NGUỒN VỐN BỔ SUNG TRONG GIAI ĐOẠN 2021-2025	31.918.461	(966.749)	30.951.712
1	Nguồn kết dư giai đoạn 2016-2020 chuyển sang	186.412		186.412
a	Nguồn kết dư giai đoạn 2016-2020 NSTT	20.208		20.208
b	Nguồn vốn kết dư ngân sách tỉnh hỗ trợ các dự án xã hội hóa các năm trước	11.652		11.652
c	Nguồn kết dư giai đoạn 2016-2020 XSKT	154.552		154.552
2	Nguồn thu vượt XSKT năm 2022, 2023	454.440	427.853	882.293
3	Nguồn khai thác đấu giá đất	31.277.609	(1.777.872)	29.499.737
4	Nguồn Quỹ sắp xếp doanh nghiệp		383.270	383.270

TT	Nguồn vốn	Kế hoạch 2021-2025 (NQ 33)	Nội dung điều chỉnh	Kế hoạch 2021-2025 sau điều chỉnh
C	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	14.287.472	966.749	15.254.221
I	Vốn trong nước	12.254.872		13.221.621
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực			
	Trong đó			
1	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia	7.662.972	966.749	8.629.721
2	Đầu tư các dự án kết nối, có tác động liên vùng có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững	2.000.000		2.000.000
3	Hỗ trợ có mục tiêu	2.591.900		2.591.900
II	Vốn nước ngoài	2.032.600		2.032.600



Phụ lục II

BIỂU KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2021-2025 SAU ĐIỀU CHỈNH

(Kèm theo Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

S T T	Đanh mục dự án	ĐD XD	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Kế hoạch 2021-2025 (33/NQ-HĐND ngày 08/12/2024 và 04/NQ-HĐND ngày 19/01/2024)	trong đó					Tổng số điều chỉnh	trong đó					Kế hoạch 2021-2025 điều chỉnh	trong đó					Chủ đầu tư	
						NSTT	Đất	Kết dư 2016-2020 NSTT	XSKT	XSKT kết dư 2016-2020 và thu vựt 2022		NSTT	Đất	XSKT	Thu vựt XSKT 2023	Quỹ sắp xếp doanh nghiệp		NSTT	Đất	Kết dư 2016-2020	XSKT	XSKT kết dư 2016-2020 và thu vựt 2022, 2023		Quỹ sắp xếp doanh nghiệp
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25
	TỔNG CỘNG (A+B+C+D+E+F)				47.506.269	10.979.460	31.277.609	20.208	4.620.000	608.992	(966.749)	0	(1.777.872)	0	427.853	383.270	46.539.520	10.979.460	29.499.737	20.208	4.620.000	1.036.845	383.270	
A	TỔNG NGUỒN ĐÃ PHÂN BỐ CHO DỰ ÁN, NHIỆM VỤ CỦA TỈNH (tại Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 08/12/2024 và Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 19/01/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)				39.808.469	9.381.514	26.139.755	20.208	3.658.000	608.992	(708.511)		(708.511)				39.099.958	9.381.514	25.431.244	20.208	3.658.000	608.992		
B	DỰ PHÒNG CHỮA PHÂN BỐ CHI TIẾT				5.137.854		5.137.854				(1.069.361)		(1.069.361)				4.068.493		4.068.493					
	Trong đó:																							
I	Dự kiến phân bổ cho cấp nước sạch khi đủ hồ sơ				300.000		300.000										300.000		300.000					
II	Dự kiến phân bổ cho nông nghiệp khi đủ hồ sơ				465.000		465.000										465.000		465.000					
III	Dự kiến phân bổ cho khoa học công nghệ khi đủ hồ sơ				300.000		300.000										300.000		300.000					
IV	Dự kiến phân bổ cho môi trường khi đủ hồ sơ				670.000		670.000										670.000		670.000					
V	Dự kiến phân bổ cho ngành văn hóa - xã hội khi đủ hồ sơ				693.400		693.400										693.400		693.400					
VI	Dự kiến phân bổ cho ngành giáo dục khi đủ hồ sơ				186.000		186.000										186.000		186.000					
VII	Dự kiến phân bổ cho công tác chuyển đổi số, đô thị thông minh ...khi đủ hồ sơ (đã phân bổ chi tiết tại mục G là 354,5 tỷ đồng)				610.200		610.200						(354.500)				255.700		255.700					
VIII	Dự kiến phân bổ cho y tế khi đủ hồ sơ				213.980		213.980										213.980		213.980					
IX	Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 còn lại cho các lĩnh vực còn lại khi đủ hồ sơ (kể cả các dự án còn thiếu nguồn so với kế hoạch trung hạn đã giao)				1.699.274		1.699.274						(714.861)				984.413		984.413					
C	HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU CHO NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN (CHI TIẾT DỰ ÁN THEO KẾ HOẠCH HÀNG NĂM)				1.559.946	1.097.946			462.000								1.559.946	1.097.946			462.000			
D	HỖ TRỢ CÁC DỰ ÁN KHHTNT CHO CẤP HUYỆN (CHI TIẾT DỰ ÁN THEO KẾ HOẠCH HÀNG NĂM)				1.000.000	500.000			500.000								1.000.000	500.000			500.000			
E	GIAO BỔ SUNG NGUỒN TĂNG THU XSKT VÀ NGUỒN QUỸ SẮP XẾP DOANH NGHIỆP (CHI TIẾT TẠI MỤC G)				0						694.047				310.777	383.270	694.047					310.777	383.270	
F	HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU KHÁC CHO NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN (CHI TIẾT DỰ ÁN THEO KẾ HOẠCH HÀNG NĂM)				0						117.076				117.076		117.076					117.076		
G	ĐIỀU CHỈNH NỘI BỘ NGUỒN NSTT, ĐẤT, XSKT; GIAO CHI TIẾT NGUỒN TĂNG THU XSKT VÀ NGUỒN QUỸ SẮP XẾP DOANH NGHIỆP				9.341.058	2.306.376	6.779.234	10.000	245.448	0	(14.464)	0	(708.511)	0	310.777	383.270	9.326.594	2.306.376	6.070.723	10.000	245.448	310.777	383.270	
G1	Thực hiện dự án																							
I	Giao thông																		0					
	Dự án chuyển tiếp sang năm 2021																							
1	Đoạn 2 (từ đầu đường số 9 đến Hương lộ 19) thuộc Dự án đường 25 C giai đoạn 1 (đoạn từ Hương lộ 19 đến đường 319), huyện Nham Trach (trước đây là Đường 25C huyện Nham Trach, đoạn còn lại)	NT	tối đa 5 năm	1.264.000	1.224.000	609.000	605.000	10.000			0	26.597	(51.154)		24.557		1.224.000	635.597	553.846	10.000		24.557		UBND huyện Nham Trach
2	Đường Tôn Đức Thắng (đoạn từ Trung tâm huyện Nham Trach đến đường Quách Thị Trang), huyện Nham Trach (NST100%)	NT	tối đa 4 năm	639.040	601.000	352.997	248.003				0	(26.597)	26.597				601.000	326.400	274.600					UBND huyện Nham Trach
3	Dự án đường Hùng Vương nối dài, thị trấn Tân Phú huyện Tân Phú	TP	2019-2023	155.808	110.000	55.180	54.820				9.000		(20.000)	13.823	15.177		119.000	55.180	34.820			13.823	15.177	UBND huyện Tân Phú
4	Cải tạo, nâng cấp đường Hùng Vương - đoạn từ đường Nguyễn Ái Quốc (Km5+000 đến Km27+400), huyện Nham Trach (NST100%, không có bồi thường)	NT	tối đa 4 năm	157.767	140.000	140.000					9.000		9.000				149.000	140.000	9.000					UBND huyện Nham Trach
5	Nâng cấp đường ĐT 763 từ Km 0+000 đến Km 29+500 (kể cả bồi thường giải phóng mặt bằng do UBND huyện Định Quán và huyện Xuân Lộc)	XI-DQ	2019-2023	886.629	466.000	48.803	417.197				(36.273)		(36.273)				429.727	48.803	380.924					



S T T	Danh mục dự án	DD XD	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Kế hoạch 2021-2025 (33/NQ-HĐND ngày 08/12/2024 và 04/NQ-HĐND ngày 19/01/2024)	trong đó					Tổng số điều chỉnh	trong đó					Kế hoạch 2021-2025 điều chỉnh	trong đó					Chủ đầu tư		
						NSTT	Đất	Kết dư 2016-2020 NSTT	XSKT	XSKT kết dư 2016-2020 và thu vượt 2022		NSTT	Đất	XSKT	Thu vượt XSKT 2023	Quỹ sắp xếp doanh nghiệp		NSTT	Đất	Kết dư 2016-2020	XSKT	XSKT kết dư 2016-2020 và thu vượt 2022, 2023		Quỹ sắp xếp doanh nghiệp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	
1	Dự án Nâng cấp, mở rộng Trung tâm tích hợp dữ liệu của các cơ quan Đảng tỉnh Đồng Nai	BH	Tối đa 3 năm	20.000	100		100				19.400		19.400				19.500		19.500					Văn phòng Tỉnh ủy	
2	Dự án Đầu tư Hệ thống bộ đàm công nghệ số Công an tỉnh Đồng Nai	DN	Tối đa 3 năm	29.976	100		100				27.000		27.000				27.100		27.100					Công an tỉnh Đồng Nai	
3	Dự án Triển khai hệ thống Tư vấn khám chữa bệnh từ xa	BH	Tối đa 3 năm		100		100				18.300		18.300				18.400		18.400					Sở Y tế	
4	Dự án Đầu tư thiết bị đầu cuối công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số ngành Y tế Đồng Nai	BH	Tối đa 3 năm	24.924	100		100				22.700		22.700				22.800		22.800					Sở Y tế	
5	Dự án Xây dựng Trung tâm điều hành tác chiến quản lý an ninh trật tự	ĐN	Tối đa 04 năm	796.921	250.000		250.000				267.000				133.730	133.270	517.000		250.000			133.730	133.270	Công an tỉnh Đồng Nai	
IV Văn hóa - Xã hội																									
Khởi công mới giai đoạn 2021-2025																									
1	Dự án Nhà lưu niệm Tỉnh ủy Lâm thời Biến Hóa tại xã Tân Bình, huyện Vĩnh Cửu	VC	Tối đa 3 năm	24.170	0						20.700		20.700				20.700		20.700					UBND huyện Vĩnh Cửu	
2	Dự án xây dựng đường dây và trạm biến áp cấp nguồn cho Trụ sở làm việc Bảo Đồng Nai	BH	Tối đa 3 năm	1.950	0						1.800		1.800				1.800		1.800					Bảo Đồng Nai	
V Y tế, dân số và gia đình																									
Khởi công mới giai đoạn 2021-2025																									
1	Dự án Xây mới Trung tâm y tế huyện Nhơn Trạch	NT	Tối đa 4 năm	467.563	130.000		30.000		100.000		0		27.823	(27.823)			130.000		57.823		72.177				Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
VI An ninh và trật tự, an toàn xã hội																									
Dự án chuyển tiếp																									
1	Dự án Trung tâm chỉ huy Công an tỉnh Đồng Nai	BH	2018-2023	754.000	515.000	460.000	55.000				194.038		194.038				709.038	460.000	249.038					Công an tỉnh Đồng Nai	
VII Quốc phòng																									
Khởi công mới giai đoạn 2021-2025																									
1	Dự án VI			536.700	500.000		500.000				0		(36.313)		36.313		500.000		463.687			36.313			Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh
2	Dự án do Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đồng Nai làm chủ đầu tư tại Quyết định số 1633/QĐ-BQP ngày 24/4/2024 của Bộ Quốc phòng			287.141	0						254.000		254.000				254.000		254.000						Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh
G2 Chuẩn bị đầu tư																									
1	Dự án xây dựng cầu thay phà cát lái theo hình thức đối tác công tư, hợp đồng BOT	NT		4.673	0						4.673		4.673				4.673		4.673					Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh	
2	Hệ thống thông tin ngành kế hoạch và đầu tư giai đoạn 1 (trừ lĩnh vực đầu tư công)	BH			0						100		100				100		100						Sở Kế hoạch và đầu tư

